

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy; mức chi thù lao cho người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 202/BC-BVHXH ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc hỗ trợ

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy; mức chi thù lao cho người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở cai nghiện ma túy công lập sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện việc cai nghiện ma túy bắt buộc, cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc;

c) Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện ma túy;

d) Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy;

đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác cai nghiện ma túy.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Người nghiện ma túy có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Kạn tham gia cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập được hỗ trợ 01 (một) lần, thời gian hỗ trợ là 06 (sáu) tháng;

b) Người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng được hỗ trợ 01 (một) lần;

c) Người cai nghiện ma túy bắt buộc được hỗ trợ theo lần chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 2. Mức chi đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Định mức tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

2. Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện nữ) hằng năm của người cai nghiện bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành.

3. Người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định trở về địa phương nơi cư trú được cấp 01 ngày tiền ăn đi đường, với số tiền là 80.000 đồng/người; tiền tàu xe: Mức hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng trên địa bàn tỉnh; cấp 01 (một) bộ quần áo mùa hè hoặc 01 (một) bộ quần áo mùa đông (nếu họ không có), mức hỗ trợ tối đa: 350.000 đồng/bộ.

Điều 3. Mức chi hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và tại gia đình, cộng đồng

1. Mức chi hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập:

a) Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường;

b) Hỗ trợ bằng 100% tiền ăn, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân của người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc cho: Thương binh; người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người thuộc hộ nghèo; người thuộc hộ cận nghèo; người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; trẻ em mồ côi; người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng trong thời gian cai nghiện tự nguyện;

c) Hỗ trợ bằng 75% tiền ăn, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân của người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc cho các đối tượng còn lại (ngoài các đối tượng tại điểm b, khoản 1 Điều này);

d) Hỗ trợ 100% chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện;

đ) Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện nữ) 06 (sáu) tháng của người cai nghiện bằng 0,45 mức lương cơ sở hiện hành.

2. Mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng sau khi đã hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: Bằng mức lương cơ sở hiện hành.

Điều 4. Mức chi thù lao cho người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Bằng 0,3 (không phải ba) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP, Thông tư số 62/2022/TT-BTC. Khi các văn bản quy định về chế độ, mức chi dẫn chiếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung của cấp có thẩm quyền.

4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ và các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 23 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2023. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội);
- TT Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh